

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên PAMS: Mua sắm Token API GenAI để triển khai GenAI Chatbot trên ứng dụng B.One

Nội dung mua sắm: Mua sắm Token API GenAI để triển khai GenAI Chatbot trên ứng dụng B.One

Phát hành ngày: Ngày ____/____/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số ____/QĐ-BIDV ngày ____/____/2025

Bên mời chào giá
[ghi tên, đóng dấu]

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC chào giá	Hồ sơ yêu cầu chào giá
Bên mời chào giá	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
PAMS	Phương án mua sắm
BIDV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
TTDL&PT	Trung tâm Dữ liệu và Phân tích

Phần 1. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Chương I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Bên mời chào giá - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mời nhà cung cấp nhận HSYC chào giá gói mua sắm Token API GenAI để triển khai GenAI Chatbot trên ứng dụng B.One thuộc PAMS “Mua sắm Token API GenAI để triển khai GenAI Chatbot trên ứng dụng B.One”.
2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí hoạt động kinh doanh của BIDV.
3. Thời gian thực hiện gói mua sắm là: 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (thời gian bàn giao quyền sử dụng dịch vụ là 01 tháng; thời gian sử dụng token là 12 tháng khai thác sử dụng kể từ ngày nghiệm thu quyền sử dụng).

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật mà nhà cung cấp được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác;

Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hoá, dịch vụ liên quan

Tất cả hàng hoá và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà cung cấp phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hoá.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC chào giá chào giá

1. Trường hợp nhà cung cấp cần làm rõ HSYC chào giá thì gửi văn bản đến Bên mời chào giá tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.
2. Trường hợp Bên mời chào giá sửa đổi HSYC chào giá, Bên mời chào giá có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà cung cấp. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC chào giá đến nhà cung cấp là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham gia đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đề xuất.
2. Đồng tiền tham gia đề xuất và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp liên quan đến việc tham gia đề xuất phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn đề xuất theo Mẫu số 01A hoặc Mẫu số 01B Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp, của người

ký đơn đề xuất;

4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo các bảng giá đề xuất quy định tại Mẫu số 4 Chương III;

Mục 7. Giá đề xuất

1. Giá đề xuất do nhà cung cấp ghi trong đơn đề xuất bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu của HSYC chào giá, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.

2. Nhà cung cấp chào giá: Theo Mẫu số 4 Chương III

3. Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hoá và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC chào giá, nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hoá đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

2. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà cung cấp phải tuân thủ theo ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ và hãng sản xuất của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC chào giá.

3. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC chào giá, nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

5. Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn 12 tháng sau khi hàng hóa bắt đầu được đưa vào sử dụng.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 90 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời chào giá có thể đề nghị nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị một bản gốc và 02 (hai) bản chụp HSDX để phục vụ việc tra cứu, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà cung cấp cần ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp. Trường hợp là nhà cung cấp liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà cung cấp

liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất.

Mục 11. Thời điểm hết hạn nộp HSDX và Mở hồ sơ đề xuất

1. HSDX do nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX: 15h00, ngày 12 tháng 08 năm 2025 tại Trung tâm Dữ liệu và Phân tích – BIDV, Tầng 19, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2. Mở hồ sơ đề xuất :

Bên mời chào giá tiến hành mở công khai HSDX của nhà cung cấp vào lúc 16h00, ngày 12 tháng 08 năm 2025 tại Trung tâm Dữ liệu và Phân tích – BIDV, Tầng 19, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Bên mời chào giá chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX theo yêu cầu của HSYC chào giá. Việc Mở hồ sơ đề xuất được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà cung cấp:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá đề xuất ghi trong đơn đề xuất;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói mua sắm;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản Mở hồ sơ đề xuất bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản Mở hồ sơ đề xuất phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời chào giá.

Mục 12. Nhà cung cấp phụ: không áp dụng

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà cung cấp

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp Bên mời chào giá gửi HSYC chào giá cho một nhà cung cấp, trong quá trình đánh giá, Bên mời chào giá mời nhà cung cấp đến thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói mua sắm.

Trường hợp có nhiều hơn một nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất và áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời chào giá mời nhà cung cấp xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói mua sắm. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời chào giá báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC chào giá;
3. Có Giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với trường hợp có từ 02 (hai) nhà cung cấp nộp hồ sơ trở lên;
4. Có giá được lựa chọn (Giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) không vượt giá dự toán gói mua sắm được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Bên mời chào giá đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà cung cấp lên website chính thức của BIDV (www.bidv.com.vn); gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho các nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp như sau:

a) Thông tin về gói mua sắm:

- Tên gói mua sắm;
- Dự toán gói mua sắm được duyệt;
- Tên Bên mời chào giá;
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp;
- Loại hợp đồng.

b) Thông tin về nhà cung cấp được lựa chọn:

- Tên nhà cung cấp được lựa chọn;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá cung cấp hàng hóa/dịch vụ;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà cung cấp không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà cung cấp đối với trường hợp nhiều hơn một nhà cung cấp nộp hồ sơ.

d) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu của HSYC chào giá. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC chào giá thì Bên mời chào giá sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; trường hợp gửi HSYC chào giá cho nhiều hơn một nhà cung cấp, Bên mời chào giá mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC chào giá. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC chào giá này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Bên mời chào giá chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà cung cấp nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời chào giá: Trung tâm Dữ liệu và Phân tích – BIDV, Tầng 19, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC chào giá; thời gian ký đơn đề xuất phải sau thời điểm phát hành HSYC chào giá; không đề xuất các Giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời chào giá. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng Giá đề xuất tại Mẫu số 4 Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng Giá đề xuất, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

Nhà cung cấp có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Nhà cung cấp được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà cung cấp. Bản thân nhà cung cấp phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 nhà cung cấp được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà cung cấp. Bản thân nhà cung cấp phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Bên mời chào giá đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp không phải VND thì khi lập HSDX, nhà cung cấp phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TCMP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói mua sắm thì nhà cung cấp phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo

Mẫu số 11A Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói mua sắm.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm hết hạn nộp HSDX, nhà cung cấp không có hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ, không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn đề xuất và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 10
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX của nhà cung cấp có giá trị tối thiểu là 2.681.088.858 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 10
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Nhà cung cấp đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phản công việc đàm nhận)	Mẫu số 07A

		đến thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: cung cấp hàng hóa/dịch vụ công nghệ thông tin⁽¹⁰⁾; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 784.218.500 VND⁽¹¹⁾.				
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	Nhà cung cấp phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà cung cấp cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC chào giá. - Nhà cung cấp ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC chào giá.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm hết hạn nộp HSDX.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ bị Bên mời chào giá/nhà cung cấp kết luận nhà cung cấp không hoàn thành và nhà cung cấp không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ bị Bên mời chào giá kết luận nhà cung cấp không hoàn thành, không được nhà cung cấp chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà cung cấp.

(4) Nhà cung cấp cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị

thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà cung cấp kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà cung cấp nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm hết hạn nộp HSDX sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà cung cấp là 01/01 - 31/12 thì nhà cung cấp phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà cung cấp. Trường hợp thời điểm hết hạn nộp HSDX sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà cung cấp là 01/01 - 31/12 và HSYC chào giá yêu cầu nhà cung cấp nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp nhà cung cấp có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC chào giá thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà cung cấp thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC chào giá thì nhà cung cấp vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm hết hạn nộp HSDX sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà cung cấp (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà cung cấp là 01/01 - 31/12 và HSYC chào giá yêu cầu nhà cung cấp nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà cung cấp phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trong trường hợp này, nếu thời điểm hết hạn nộp HSDX là ngày 15/11/2024 thì nhà cung cấp phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà cung cấp được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà cung cấp được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói mua sắm từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như

sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói mua sắm - giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện, gói mua sắm theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói mua sắm dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói mua sắm - giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà cung cấp đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà cung cấp phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà cung cấp thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm hết hạn nộp HSDX.

(10) Tương tự về tính chất: Bên mời chào giá quy định tương tự về tính chất trong HSYC chào giá như sau: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Bên mời chào giá nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói mua sắm có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà cung cấp.

Trường hợp gói mua sắm bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói mua sắm để Bên mời chào giá đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói mua sắm (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói mua sắm, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự (Y) xuống còn $Y/1,25$. Trong đó, Y thông thường khoảng 50% giá trị của gói mua sắm đang xét; riêng đối với trường hợp gói mua sắm có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói mua sắm dài hơn 1 năm thì HSYC chào giá yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: gói mua sắm cung cấp vật tư X cho nhu cầu của Bên mời chào giá trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói mua sắm là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$ đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là Y (hoặc $Y/1,25$ nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói mua sắm hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói mua sắm đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa

có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói mua sắm đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói mua sắm có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn), trong đó K bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói mua sắm, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói mua sắm đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói mua sắm đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời chào giá lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói mua sắm đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói mua sắm đang xét là gói mua sắm cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018.31.10** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405.10.20** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà cung cấp X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS **9018.90.30**, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS **9405.40.91**, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà cung cấp X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói mua sắm này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói mua sắm là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói mua sắm được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói mua sắm là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng 50% x 1,64 tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói mua sắm đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá

dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà cung cấp tham đề xuất là nhà cung cấp Liên danh A - B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói mua sắm), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói mua sắm (20% giá trị công việc gói mua sắm). Trong trường hợp này, nhà cung cấp Liên danh A - B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50 \text{ máy} \times 30 / 180 \text{ ngày}$) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDX bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $> 50\% \times 400 \text{ triệu đồng}$), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $> 50\% \times 100 \text{ triệu đồng}$).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói mua sắm mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà cung cấp A tham dự gói mua sắm mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ($50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ($50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [$50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$].”.

Trường hợp nhà cung cấp A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà cung cấp thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSDX. Trường hợp nhà cung cấp không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Bên mời chào giá, Bên mời chào giá thì HSDX của nhà cung cấp được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ
(Áp dụng đối với gói mua sắm có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS ⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực ⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDX đạt tối thiểu ⁽⁴⁾
1	Hàng hóa A				
2	Hàng hóa B				
3	Hàng hóa C				
...	...				

Ghi chú:

(1), (2) Nội dung tại cột này được Bên mời chào giá xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.

(3) Giá trị tại cột này được Bên mời chào giá xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.

(4) Giá trị tại cột này được Bên mời chào giá xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự: Không yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp: Đạt/Không đạt

1. Bảng đánh giá về kỹ thuật:

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt (Khi đáp ứng tất cả các tiêu chí)	Không đạt (Khi không đáp ứng 1 trong các tiêu chí yêu cầu)
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ	- Nhà cung cấp có đề xuất: Đáp ứng đủ đặc tính, thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương IV của hồ sơ yêu cầu chào giá. - Có tài liệu chứng minh đầy đủ các đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu.	- Nhà cung cấp không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không đáp ứng đặc tính, thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương IV của hồ sơ yêu cầu chào giá. - Không có tài liệu chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật hoặc có tài liệu nhưng không chứng minh được đầy đủ đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu.
2	Mức độ đáp ứng yêu cầu Hỗ trợ kỹ thuật	Nhà cung cấp phải trình bày được kế hoạch, quy trình, nội dung cung cấp dịch vụ Hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Chương IV của hồ sơ yêu cầu chào giá.	Nhà cung cấp không trình bày kế hoạch, quy trình, nội dung cung cấp dịch vụ Hỗ trợ kỹ thuật hoặc trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu tại Chương IV của hồ sơ yêu cầu chào giá
3	Giải pháp kỹ thuật, Biện pháp tổ chức, cung cấp, lắp đặt hàng hóa và dịch vụ	- Nhà cung cấp có đề xuất Biện pháp tổ chức triển khai đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá. - Nhà cung cấp có Bảng tiến độ thực hiện được đánh giá phù hợp với yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá (tổng thời gian đề xuất thực hiện tối đa không vượt thời gian thực hiện gói mua sắm). - Bảng tiến độ yêu cầu thể hiện được tổng thời gian đề xuất thực hiện và các mốc tiến độ yêu cầu chính như thời gian nhập hàng; thời gian bàn giao; thời gian nghiệm thu; ...	- Nhà cung cấp không đề xuất Biện pháp tổ chức triển khai; Hoặc Nhà cung cấp có đề xuất Biện pháp tổ chức triển khai nhưng không đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá. - Nhà cung cấp không có hoặc có Bảng tiến độ thực hiện nhưng không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá (tổng thời gian đề xuất thực hiện vượt thời gian thực hiện gói mua sắm); Hoặc Bảng tiến độ không thể hiện được tổng thời gian đề xuất thực hiện/các mốc tiến độ chính như thời gian nhập hàng; thời gian bàn giao; thời gian nghiệm thu; ...
Kết luận:		“Đạt” tất cả các nội dung nêu trên được đánh giá là Đạt	“Không đạt” bất cứ nội dung nào nêu trên được đánh giá là Không đạt

2. Một số yêu cầu về tài liệu kỹ thuật:

2.1. Nhà cung cấp gửi kèm Bảng dẫn chiếu tài liệu kỹ thuật theo mẫu dưới đây để Bên mời chào giá tiện tra cứu:

STT	Yêu cầu đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ	Dẫn chiếu tài liệu trong Hồ sơ đề xuất
1	Nhà cung cấp trích dẫn tóm tắt nội dung yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá	Nhà cung cấp chỉ dẫn tài liệu đính kèm (nêu tên tài liệu hoặc phần, mục, số trang của tài

		liệu)
2	...	
3	...	

2.2. Nhà cung cấp phải nộp kèm HSDX các Tài liệu chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật (Catalogue của chính hãng sản xuất) và các tài liệu kỹ thuật (quy trình bảo hành/bảo trì/hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng...) để chứng minh đáp ứng các yêu cầu.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định Giá đề xuất;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 3. Xác định Giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDX có Giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất¹⁽¹⁾.

¹⁽¹⁾ Áp dụng trong trường hợp có nhiều hơn một nhà cung cấp nộp HSDX.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01A

ĐƠN ĐỀ XUẤT

(Áp dụng đối với nhà cung cấp là tổ chức)

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời chào giá]

(sau đây gọi là Bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền để xuất] cùng với bảng Giá đề xuất kèm theo. Thời gian thực hiện gói mua sắm là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh).
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX;
3. Cam kết không có hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp;
4. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
5. Trường hợp được lựa chọn, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC chào giá.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

ĐƠN ĐỀ XUẤT

(Áp dụng đối với nhà cung cấp là cá nhân, nhóm cá nhân)

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _ *[Ghi tên Bên mời chào giá]*

(sau đây gọi là Bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá, nếu có), chúng tôi, _____ *[Ghi tên cá nhân và mã số thuế cá nhân; đối với nhà cung cấp là nhóm cá nhân thì ghi tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 01C]*, cam kết thực hiện gói mua sắm _____ *[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền đề xuất]*. Thời gian thực hiện gói mua sắm là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá]*.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là _____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ *[Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX;
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
5. Trường hợp được lựa chọn, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
6. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC chào giá.
7. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói mua sắm.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên]

Ghi chú:

(1) Cá nhân tham đề xuất phải ký đơn đề xuất. Đối với trường hợp nhóm cá nhân thì tất cả các thành viên trong nhóm hoặc thành viên được phân công theo Văn bản thỏa thuận ký đơn đề xuất

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm)

Ngày: ____ tháng ____ năm ____

Căn cứ HSYC chào giá của gói mua sắm: ____ [ghi tên gói mua sắm]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên:

Số CCCD/Hộ chiếu: ____ Ngày cấp: ____ Nơi cấp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thành viên thứ hai:

Họ và tên:

Số CCCD/Hộ chiếu: ____ Ngày cấp: ____ Nơi cấp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên:

Số CCCD/Hộ chiếu: ____ Ngày cấp: ____ Nơi cấp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham đề xuất gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [ghi tên PAMS] do ____ [ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói mua sắm này. Trường hợp được lựa chọn, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;

- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời chào giá theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [ghi tên PAMS] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá, Bên mời chào giá trong quá trình tham đề xuất, văn bản giải trình, làm rõ HSĐX hoặc văn bản đề nghị rút HSĐX;

- Thực hiện bảo đảm đề xuất cho cả nhóm;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhóm cá nhân không được lựa chọn;

- Hủy mời chào giá của gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [ghi tên PAMS] theo thông báo của Bên mời chào giá, Bên mời chào giá.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham đề xuất gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [Ghi tên PAMS] do ____ [Ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham đề xuất, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham đề xuất và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói mua sắm: ____ [Ghi tên gói mua sắm]

Thuộc: ____ [Ghi tên PAMS]

- Căn cứ ____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào giá gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC chào giá];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham đề xuất gói mua sắm [Ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [Ghi tên PAMS].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: ____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời chào giá theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [Ghi tên PAMS] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá, bên mời chào giá trong quá trình tham đề xuất, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC chào giá và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2.2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng Giá đề xuất
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói mua sắm	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;
 - Hủy gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc ____ [Ghi tên PAMS] theo thông báo của Bên mời chào giá.
- Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói mua sắm, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Nhà cung cấp phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng Giá đề xuất tại Mẫu số 4.1 (4.1 A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng Giá đề xuất, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình

sản xuất các hạng mục này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG GIÁ ĐỀ XUẤT
(Áp dụng với loại hợp đồng theo đơn giá)

I. Hàng hóa đề xuất

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệ u	Nhãn hiệu	Nă m sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơ n vị tính	Khối lượn g	Mã HS	Đơn giá đề xuất (đã bao gồm thuế , phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Dịch vụ Token API GenAI với số lượng như sau: - Input token: 231.000.000.00 0 token - Output token: 13.516.000.000 token - Embedding token: 8.396.800.000							Gói	1			

token												
Tổng cộng giá đề xuất của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											(M)= M ₁ +...+ M _n	

Ghi chú:

- Bên mời chào giá điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Bên mời chào giá dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.
- Nhà cung cấp điền từ cột (11), (12), (13):
 - (11): Nhà cung cấp biết mã HS của hàng hóa thì nhà cung cấp liệt kê;
 - (12), (13): Nhà cung cấp điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự gói mua sắm, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất theo quy định.

II. Dịch vụ liên quan: Không có

III. Tổng hợp giá đề xuất

STT	Nội dung	Giá đề xuất
1	Dịch vụ Token API GenAI	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá đề xuất (Kết chuyển sang đơn đề xuất)	(G)= (M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Bên mời chào giá

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà cung cấp đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ Token API GenAI	Gói	01	Trung Tâm Dữ liệu và Phân tích – BIDV, Tầng 19, tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	1	30	
2							
...							

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7): Bên mời chào giá điền.

Cột (8): Nhà cung cấp điền;

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC chào giá. Nhà cung cấp để xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà cung cấp để xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói mua sắm: _____

Tên nhà cung cấp: <i>[ghi tên nhà cung cấp. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà cung cấp đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà cung cấp <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà cung cấp Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà cung cấp.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN ⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà cung cấp thương mại)

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đàm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà cung cấp đàm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đàm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đàm nhận trong tổng giá hợp đồng, số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Bên mời chào giá:	[ghi tên đầy đủ của Bên mời chào giá trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Bên mời chào giá]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà cung cấp nghiên cứu kỹ HSYC chào giá và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC chào giá. Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Bên mời chào giá về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà cung cấp có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 09

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ CUNG CẤP TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

- Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

- Có hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp trong quá khứ; trường hợp bên mời chào giá phát hiện nhà cung cấp có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp trong quá khứ mà không kê khai thì nhà cung cấp được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà cung cấp sẽ bị loại. Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà cung cấp từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà cung cấp điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC chào giá		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà cung cấp chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC chào giá/số năm.

Trường hợp nhà cung cấp mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC chào giá thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà cung cấp có số liệu tài chính.

Nhà cung cấp phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà cung cấp đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà cung cấp đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm hết hạn nộp HSĐX.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI MUA SẮM⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói mua sắm ⁽³⁾	Giá trị % so với Giá đề xuất ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà cung cấp phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà cung cấp căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói mua sắm. Trường hợp nhà cung cấp không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với Giá đề xuất.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1. Giới thiệu chung về PAMS, gói mua sắm

- Tên PAMS: Mua sắm Token API GenAI để triển khai Gen AI Chatbot trên ứng dụng B.One.
- Đơn vị đầu mối: Trung tâm Dữ liệu và Phân tích (“TTDL&PT”).
- Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Yêu cầu chung

- Nội dung, phạm vi mua sắm:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dịch vụ Token API GenAI với số lượng như sau:		
1.1	Input token	Triệu token	231.000
1.2	Output token	Triệu token	13.516
1.3	Embedding token	Triệu token	8.396,8

- Thời gian thực hiện phương án mua sắm: Từ Quý 2/2025 đến Quý 3/2026. Trong đó, thời gian thực hiện hợp đồng là 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cụ thể như sau:
 - Thời gian bàn giao quyền sử dụng dịch vụ là 01 tháng.
 - Thời gian sử dụng Token là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu quyền sử dụng.
- Trong quá trình sử dụng, trường hợp một trong các loại token (input, output, embedding) sử dụng hết, BIDV được quyền linh hoạt chuyển đổi từ các loại token còn lại để tiếp tục sử dụng dịch vụ cho đến khi toàn bộ số token được cấp phát sử dụng hết, nhằm đảm bảo dịch vụ không bị gián đoạn. Quá trình chuyển đổi này là hoàn toàn miễn phí.
- Sau 12 tháng kể từ ngày sử dụng, nếu số lượng token chưa hết, BIDV được quyền sử dụng tiếp cho tới khi hết mà không phát sinh chi phí.
- Địa điểm triển khai: Trung tâm Dữ liệu và Phân tích.

3. Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết

- Tiêu chuẩn tích hợp API: RESTful API, xác thực OAuth2.0/token-based.
- Ngôn ngữ lập trình và thư viện hỗ trợ: Java, Python.
- Yêu cầu về mô hình:
 - Mức độ phù hợp: Nội dung phản hồi không được lạc chủ đề, trả lời sai lĩnh vực.
 - Khả năng nhất quán: Đầu ra cho cùng một câu hỏi/đầu vào trong cùng bối cảnh không dao động quá lớn.
 - Kiểm duyệt nội dung: Mô hình không được trả lời nội dung vi phạm pháp luật, bạo lực, khiêu dâm, vi phạm đạo đức.
- Yêu cầu về xử lý: Hỗ trợ tối thiểu 300 phiên đồng thời.
- Yêu cầu độ trễ phản hồi: ≤ 2 giây với truy vấn đơn giản (< 10.000 input token), ≤ 5 giây với truy vấn phức tạp (> 10.000 input token).
- Yêu cầu khác:
 - Cung cấp trang web dashboard cùng tài khoản để BIDV có thể truy vấn số lượng Token đã sử dụng bất kỳ lúc nào.
 - Báo cáo định kỳ về số lượng Token đã sử dụng cho BIDV (hàng tuần / hàng tháng).

- Khả năng mở rộng: Hỗ trợ tối thiểu 500 phiên đồng thời.
- Tuân thủ bảo mật: Mã hóa dữ liệu khi truyền (TLS 1.2 trở lên), nhật ký truy cập lưu tối thiểu 90 ngày.
- Điều khoản dịch vụ thuê ngoài (Token API GenAI):
 - Cam kết độ sẵn sàng: SLA uptime (tỷ lệ thời gian sẵn sàng hoạt động đúng cam kết) $\geq 99.5\%$
 - Bảo đảm quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 và các quy định bảo mật của BIDV.
- Yêu cầu về bản quyền, tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện:
 - BIDV giữ quyền sở hữu 100% dữ liệu đầu vào.
 - Nhà cung cấp cam kết đầu ra không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.
 - Nhà cung cấp cam kết không sử dụng dữ liệu đầu vào, dữ liệu đầu ra cho bất kỳ mục đích nào khác như cung cấp cho bên thứ ba, sử dụng để huấn luyện mô hình, ...
 - Nếu phát sinh tranh chấp bản quyền, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường thiệt hại.
- Yêu cầu về dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật:
 - Trong thời gian cung cấp giải pháp cho BIDV, nhà cung cấp giải pháp phải thực hiện kịp thời các công việc cần thiết để khắc phục nhược điểm hoặc hư hại.
 - Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến qua email, kênh chat và qua điện thoại theo bảng yêu cầu thời gian và phương thức giải quyết sự cố dưới đây:

Mức độ	Miêu tả lỗi	Yêu cầu
1	Không gọi được Token API, gây dừng hệ thống (downtime)	+ Thời gian đáp ứng tối đa: 04 giờ + Phương thức hỗ trợ: Từ xa 24x7
2	Thời gian phản hồi của API chậm (>5s cho 1 request)	+ Thời gian đáp ứng tối đa: 08 giờ + Phương thức hỗ trợ: Từ xa 24x7

- + Thời gian đáp ứng: Được tính từ lúc nhà cung cấp nhận được thông tin về sự cố qua các kênh hỗ trợ chính thức (email, kênh chat, điện thoại).
- + Nhân sự hỗ trợ trực tiếp liên hệ lại trong vòng 30 phút kể từ thời điểm nhận được thông báo từ BIDV.
- + Cung cấp tối thiểu 02 số điện thoại nhận thông tin của nhà cung cấp (hotline)

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bên mời chào giá” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mời chào giá (Bên mời chào giá) và Nhà cung cấp, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà cung cấp” là nhà cung cấp được lựa chọn (có thể là nhà cung cấp độc lập hoặc liên danh). 1.4. “Nhà cung cấp phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà cung cấp để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; phần mềm thương mại. 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như dịch vụ triển khai, lắp đặt, duy tu, bảo trì sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà cung cấp hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT. 1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; g) Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà cung cấp; h) Hồ sơ yêu cầu chào giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ Hồ sơ yêu cầu chào giá (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá

	trình lựa chọn nhà cung cấp; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên mời chào giá không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên mời chào giá đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói mua sắm; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Bên mời chào giá chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời chào giá để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
6. Ký hợp đồng nhà cung cấp phụ	6.1. Nhà cung cấp được ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm trước Bên mời chào giá về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ trong danh sách các nhà cung cấp phụ nêu trong HSDX hoặc thay đổi nội dung cung cấp phụ nêu trong HSDX chỉ được thực hiện khi được Bên mời chào giá chấp thuận; việc sử dụng nhà cung cấp phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà cung cấp trong thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà cung cấp. 6.2. Nhà cung cấp có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà cung cấp phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà cung cấp và nhà cung cấp phụ.

7. Giải quyết tranh chấp	7.1. Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 5. Nhà cung cấp phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.
10. Trách nhiệm của Nhà cung cấp	Nhà cung cấp phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT. 11.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói mua sắm nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói mua sắm.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên mời chào giá. 12.2. Trường hợp Nhà cung cấp thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Bên mời chào giá tạo điều kiện tối đa cho Nhà cung cấp áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
13. Tạm ứng	13.1. Bên mời chào giá phải cấp cho Nhà cung cấp khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà cung cấp nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 13.2. Nhà cung cấp chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà cung cấp phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên mời chào giá.
14. Thanh toán	14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà cung cấp phải được gửi cho Bên mời chào giá bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. 14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền tác giả	Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà cung cấp đã nộp cho Bên mời chào giá vẫn thuộc về Nhà cung cấp. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Bên mời chào giá một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà cung cấp bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.
16. Sử dụng các tài	16.1. Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải bảo mật bất kỳ tài liệu,

liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà cung cấp có thể chuyển cho nhà cung cấp phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên mời chào giá cung cấp để nhà cung cấp phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà cung cấp phụ phải có cam kết với Nhà cung cấp về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 16.2. Bên mời chào giá không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên mời chào giá cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 16.3. Nghĩa vụ của Bên mời chào giá và Nhà cung cấp quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Bên mời chào giá hoặc Nhà cung cấp cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên mời chào giá hoặc Nhà cung cấp; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 16.4. Các quy định tại Mục 16 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 16.5. Các quy định tại Mục 16 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương IV; nếu tại Chương IV không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
18. Đóng gói hàng hóa	18.1. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án. 18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Bên mời chào giá.
19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và

	giao hàng theo quy định tại ĐKCT.
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT. 20.2. Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại ĐKCT: a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chỉ tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà cung cấp khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Bên mời chào giá về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. 20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Bên mời chào giá và Nhà cung cấp thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà cung cấp áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	21.1. Nhà cung cấp phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. 21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà cung cấp hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà cung cấp hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Bên mời chào giá không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này. 21.3. Bên mời chào giá hoặc đại diện của Bên mời chào giá có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 ĐKC, với điều kiện là Bên mời chào giá chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú. 21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời chào giá về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Bên mời chào giá tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà cung cấp phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này. 21.5. Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà cung cấp theo hợp đồng, Bên mời chào giá xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng. 21.6. Nhà cung cấp phải gửi cho Bên mời chào giá báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

	21.7. Nhà cung cấp phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà cung cấp phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Bên mời chào giá theo quy định tại Mục 21.4 ĐKC. 21.8. Việc Nhà cung cấp thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Bên mời chào giá hay đại diện của Bên mời chào giá tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 ĐKC, không miễn trừ cho Nhà cung cấp nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
22. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.
23. Bảo hành	23.1. Nhà cung cấp bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 23.2. Nhà cung cấp bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà cung cấp hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT. 23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Bên mời chào giá kịp thời thông báo cho Nhà cung cấp, kèm theo tài liệu chứng minh. Bên mời chào giá tạo điều kiện cho Nhà cung cấp tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 23.5. Sau khi nhận được thông báo của Bên mời chào giá về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà cung cấp phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà cung cấp không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại ĐKCT, Bên mời chào giá có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà cung cấp phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Bên mời chào giá tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên mời chào giá đối với Nhà cung cấp theo hợp đồng.
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	24.1. Với điều kiện là Bên mời chào giá tuân thủ Mục 24.2 ĐKC, Nhà cung cấp có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Bên mời chào giá và nhân sự của Bên mời chào giá không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà cung cấp thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà cung cấp cung cấp theo hợp đồng.

	24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Bên mời chào giá liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 ĐKC, Bên mời chào giá có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà cung cấp. Nhà cung cấp có thể nhân danh Bên mời chào giá giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan. 24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên mời chào giá, trường hợp Nhà cung cấp không thông báo cho Bên mời chào giá về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Bên mời chào giá sẽ tự giải quyết. 24.4. Trường hợp được yêu cầu, Bên mời chào giá hỗ trợ Nhà cung cấp giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà cung cấp hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh. 24.5. Bên mời chào giá có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà cung cấp, nhà cung cấp phụ, nhân sự của Nhà cung cấp không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Bên mời chào giá hoặc thay mặt Bên mời chào giá.
25. Thay đổi liên quan đến pháp lý	Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm kết thúc nhận HSĐX trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà cung cấp khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 ĐKC.
26. Bất khả kháng	26.1. Nhà cung cấp không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện

	bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
27. Sửa đổi hợp đồng	27.1. Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng: a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Bên mời chào giá; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan. đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC. 27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà cung cấp về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà cung cấp nhận được yêu cầu của Bên mời chào giá về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng. 27.3. Trường hợp Nhà cung cấp cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà cung cấp đề xuất trong HSDX và đáp ứng yêu cầu Hồ sơ yêu cầu chào giá thì Nhà cung cấp phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên mời chào giá để Bên mời chào giá xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Bên mời chào giá có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi. 27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Bên mời chào giá và Nhà cung cấp tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường. 27.5. Bên mời chào giá và Nhà cung cấp sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết; b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh

	cho Bên mời chào giá trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 27.7. Bên mời chào giá có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa: a) Rút ngắn thời gian giao hàng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Bên mời chào giá; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Bên mời chào giá. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Bên mời chào giá chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Bên mời chào giá thanh toán cho Nhà cung cấp theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được Bên mời chào giá chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Bên mời chào giá thanh toán cho Nhà cung cấp theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà cung cấp hoặc nhà cung cấp phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC, Nhà cung cấp phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên mời chào giá về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà cung cấp, Bên mời chào giá phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Bên mời chào giá đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 ĐKC, Nhà cung cấp giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bên mời chào giá theo quy định tại Mục 22 ĐKC.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Bên mời chào giá có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà cung cấp không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 ĐKC; (ii) Nhà cung cấp không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; b) Trường hợp Bên mời chào giá chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Bên mời chào giá có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mời chào giá các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà cung cấp vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. 29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

	Trường hợp Nhà cung cấp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên mời chào giá có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà cung cấp không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên mời chào giá trước đó hoặc sau đó.
30. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà cung cấp trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà cung cấp không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà cung cấp cung cấp cho Bên mời chào giá các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên mời chào giá có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà cung cấp.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời chào giá ghi đầy đủ trước khi phát hành hồ sơ yêu cầu chào giá.

ĐKC 1.1	Bên mời chào giá: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
ĐKC 1.3	Nhà cung cấp: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà cung cấp].
ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Trung tâm Dữ liệu và Phân tích – BIDV.
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; - Biên bản thương thảo hợp đồng; - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Bên mời chào giá theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Trung Tâm Dữ liệu và Phân tích – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Địa chỉ: Tầng 19, Tháp A, Vincom Center, 191 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội - Điện thoại: 024 22205544 (voice IP 5161) - Fax: 024 22200399 - Địa chỉ email: nganhlh1@bidv.com.vn
ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày nhà cung cấp hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành và/hoặc bảo trì theo quy định của hợp đồng và cộng thêm 30 ngày
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối đa 30 ngày kể từ khi Nhà cung cấp hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
ĐKC 6.1	Danh sách nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.
ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến Hợp đồng. Giải quyết tranh chấp: Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến Hợp đồng. Nếu các bên không thể giải quyết tranh chấp hoặc bất đồng thông qua thỏa thuận, thương lượng hoặc hòa giải, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền yêu cầu đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên. Ân phí và các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.
ĐKC 9	Nhà cung cấp phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Hóa đơn bán hàng Bên mời chào giá phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà cung cấp sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán có sự thay đổi về chính sách thuế, thì khoản chênh lệch do thay đổi chính sách thuế sẽ được điều chỉnh phù hợp theo quy định, nhưng không làm tăng giá trị Hợp đồng.
ĐKC 13.1	Tạm ứng: Không áp dụng
ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Thanh toán 01 lần sau khi hoàn thành nghiệm thu

	bản giao token API GenAI để đưa vào sử dụng. - Thời gian dự kiến giải ngân: trong năm 2025. - Điều kiện thanh toán: - o Nhà cung cấp thực hiện bản giao đầy đủ số lượng Token API GenAI theo như quy định tại hợp đồng. - o Văn bản đề nghị thanh toán của nhà cung cấp; - o Biên bản nghiệm thu, bản giao đưa vào sử dụng; - o Biên bản khắc phục sự cố (nếu có) có xác nhận của đơn vị sử dụng; - o Hoá đơn tài chính hợp lệ cho kỳ thanh toán. - o Bảo đảm thực hiện hợp đồng
ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Thực hiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Hàng hóa phải được bảo hiểm đầy đủ cho đến khi hoàn tất việc giao nhận.
ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Không yêu cầu.
ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: Không có.
ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Kiểm tra xác nhận yêu cầu kỹ thuật từng cấu phần: - Thời gian thực hiện: ngay sau khi hoàn thành việc cài đặt/chuyển đổi/triển khai hệ thống trên môi trường thật, đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật (chương IV Phần II) - Phương thức thực hiện: Bên mời chào giá đánh giá tính phù hợp theo quy định tại Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật Nghiệm thu hàng hóa: - Phương thức thực hiện: Bên mời chào giá sẽ kiểm tra, xác nhận bằng biên bản nghiệm thu.
ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Trung tâm Dữ liệu và Phân tích
ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau: Trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà cung cấp không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mời chào giá có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mời chào giá sẽ khấu trừ đến 8% mức phạt tối đa. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên mời chào giá có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Bên mời chào giá chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Bên mời chào giá thanh toán cho Nhà cung cấp 0% giá trị giảm giá hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà cung cấp được lựa chọn ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN HSDX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm

**Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà cung cấp được lựa chọn] (sau đây gọi tắt là
“Nhà cung cấp”)**

Về việc: Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên Bên mời chào giá] (sau đây gọi tắt là “Bên mời chào giá”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm _____ [ghi tên, số hiệu gói mua sắm], Bên mời chào giá _____ [ghi tên Bên mời chào giá] (sau đây gọi tắt là “Bên mời chào giá”) thông báo: Bên mời chào giá đã chấp thuận HSDX và trao hợp đồng cho Nhà cung cấp để thực hiện gói mua sắm _____ [ghi tên gói mua sắm]. Trường hợp gói mua sắm chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà cung cấp được công nhận được lựa chọn] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá được lựa chọn trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp] với thời gian thực hiện gói mua sắm là _____ [ghi thời gian thực hiện gói mua sắm trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá, Bên mời chào giá theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà cung cấp thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của Hồ sơ yêu cầu chào giá với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của Hồ sơ yêu cầu chào giá].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà cung cấp hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Bên mời chào giá sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói mua sắm.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (2) mà Nhà cung cấp không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà cung cấp sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời chào giá

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

____, Ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Căn cứ pháp lý:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho gói mua sắm ____;
- Căn cứ Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ____, ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời chào giá
- Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời chào giá và Nhà cung cấp được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng, gồm có:

Bên mời chào giá (sau đây gọi là Bên A):

- Tên Bên mời chào giá: [ghi tên Bên mời chào giá]
- Địa chỉ: [ghi địa chỉ]
- Điện thoại: [ghi số]
- Fax: [ghi số nếu có]
- Email: [ghi địa chỉ email]
- Tài khoản: [ghi số tài khoản]
- Mã số thuế: [ghi MST]
- Đại diện: Ông/bà [ghi họ tên]
- Chức vụ: [ghi chức danh]
- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B):

- Tên nhà cung cấp: [ghi tên đầy đủ]
- Địa chỉ: [ghi địa chỉ]
- Điện thoại: [ghi số]
- Fax: [ghi số nếu có]
- Email: [ghi địa chỉ email]
- Tài khoản: [ghi số tài khoản]
- Mã số thuế: [ghi MST]
- Đại diện: Ông/bà [ghi họ tên]
- Chức vụ: [ghi chức danh]
- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà cung cấp được lựa chọn (nếu có);
7. HSYC chào giá và các tài liệu sửa đổi HSYC chào giá (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, theo phương thức được quy định tại Điều kiện cụ thể của Hợp đồng. Đồng thời, Bên A cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền]
2. Phương thức thanh toán: Theo quy định tại Mục 14.2 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Theo điều kiện tại ĐKCT

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____

[ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 9 ĐKC và kết quả thương thảo].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn tất việc thanh lý theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, mỗi bên giữ _____ bộ, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
CUNG CẤP**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN
MỜI CHÀO GIÁ**

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá của Nhà cung cấp theo các Mẫu bảng giá tương ứng quy định tại Hồ sơ yêu cầu chào giá và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Bên mời chào giá] (sau đây gọi là “Bên mời chào giá”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) là nhà cung cấp được lựa chọn gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu chào giá (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp phải nộp cho Bên mời chào giá bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của Hồ sơ yêu cầu chào giá]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời chào giá bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời chào giá thông báo Nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽²⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(2) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Bên mời chào giá] (sau đây gọi là “Bên mời chào giá ”)
[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà cung cấp] (sau đây gọi là “Nhà cung cấp”) phải nộp cho Bên mời chào giá một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà cung cấp sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng(2)] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên mời chào giá, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà cung cấp phải xem xét trước, thanh toán cho Bên mời chào giá khi Bên mời chào giá có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 ĐKCT của Hồ sơ yêu cầu chào giá].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà cung cấp nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói mua sắm mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự chào giá gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức:

[- Tham gia quá trình ____]

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.](2).

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà cung cấp]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ (3). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời chào giá giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.